



# HÌNH TƯỢNG CON NGƯỜI TRONG THƠ TRÊN KIẾN TRÚC CUNG ĐÌNH HUẾ

Nguyễn Phước Hải Trung<sup>1,2</sup>

<sup>1</sup> Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

<sup>2</sup> Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, 23 Tống Duy Tân, Huế, Việt Nam

**Tóm tắt:** Bài báo tập trung phân tích, nhấn mạnh về hình tượng con người trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế thông qua các quan niệm nghệ thuật. Nội dung nghiên cứu xuất phát từ cơ sở lý thuyết thi pháp học để phân tích, miêu tả và chỉ ra những đặc trưng về hình tượng con người trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế. Nghiên cứu làm rõ hình tượng của con người vũ trụ, con người đạo đức và con người đẳng bậc gắn bó mật thiết với thế giới quan, nhân sinh quan của thời đại nhà Nguyễn. Việc phân tích tìm hiểu hình tượng nghệ thuật về con người cùng các mối quan hệ khăng khít của nó đã cho thấy thơ trên kiến trúc cung đình Huế là một hệ thống ngôn ngữ nghệ thuật mang sắc thái riêng, tiêu biểu cho trường thẩm mỹ, có những hình thức thể hiện mang đậm bản sắc. Tiền đề cơ sở ấy là yếu tố không thể bỏ qua khi nghiên cứu thơ trên kiến trúc cung đình Huế nói riêng cũng như thi ca thời trung đại nói chung.

**Từ khóa:** hình tượng con người, kiến trúc cung đình, thơ, thời Nguyễn

## 1. Mở đầu

Hệ thống kiến trúc cung đình Huế là những điển hình cho trình độ kỹ thuật xây dựng cũng như trình độ thẩm mỹ của Việt Nam vào thế kỷ XIX. Đặc biệt, trên các kiến trúc cung đình Huế, ở những vị trí khác nhau tại ngoại thất cũng như nội thất kiến trúc thường có sự xuất hiện của các ô chữ Hán được bố trí xen kẽ với các họa tiết là lối trang trí “nhất thi, nhất họa”. Các ô chữ Hán là các bài thơ với nhiều thể thơ khác nhau, thể hiện sự độc đáo của một lối trang trí kiến trúc định hình, ổn định và phát triển thành một ngôn ngữ thẩm mỹ riêng biệt. Hiện nay, trên kiến trúc cung đình Huế còn 1.087 bài thơ hội đủ các loại thể như ngũ ngôn tứ tuyệt, thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn bát cú, thất ngôn bát cú cùng các thể cổ phong khác. Ngày 19.5.2016, Ủy ban Chương trình Ký ức Thế giới khu vực châu Á – Thái Bình Dương đã công nhận Thơ trên kiến trúc cung đình Huế là “*Di sản tư liệu thuộc chương trình ký ức thế giới khu vực Châu Á – Thái Bình Dương*”.

Hệ thống thơ được thể hiện, lưu trữ tại các kiến trúc cung đình đều bằng phương pháp như chạm nổi, khắc chìm, tráng men, chạm cẩn, đắp nổi với mục đích tạo nên sự ổn định, bền vững. Đó là sự dụng công tương ứng với tính chất nghiêm túc, điển lệ của kiến trúc.

\*Liên hệ: [nguyenphuochaitrung2007@gmail.com](mailto:nguyenphuochaitrung2007@gmail.com)

Nhận bài: 01-07-2019; Hoàn thành phân biện: 16-07-2019; Ngày nhận đăng: 17-07-2019

Thơ được chạm chìm, hay khắc nổi trên các liên ba bằng gỗ sau đó sơn son, thếp vàng là cách thể hiện phổ biến nhất (xuất hiện nhiều ở nhiều kiến trúc); thơ được viết trên nền đồng rồi tráng men (pháp lam) với nhiều màu sắc (chữ màu đen, xanh, vàng trên nền có màu tương phản) cũng là một dạng thường thấy (như ở phần mái Ngọ Môn, điện Thái Hòa, tam quan điện Phụng Tiên, Bi đình lăng Minh Mạng, v.v.); thơ được đắp vôi vữa khảm sành sứ (như ở lăng Khải Định); thơ được chạm khắc thếp vàng chữ hoặc sơn chữ nhưng nền không sơn son thếp vàng (như ở điện Long An, điện Long Ân, Nghinh Lương Quán). Ngoài ra, thơ còn được cẩn xà cừ trên ván gỗ, tuy chỉ xuất hiện ở một số trường hợp cá biệt (như ở điện Long An) nhưng đã để lại một giá trị độc đáo.

Thơ trên kiến trúc cung đình Huế là sự khác biệt nổi bật của một kiểu trang trí kiến trúc riêng của Việt Nam so với kiến trúc của các nước đồng văn như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Việc chủ động trang trí thơ chữ Hán với các hình thức khác nhau trên kiến trúc chỉ có ở triều Nguyễn. Những công trình tương tự như vậy không xuất hiện ở các triều đại Việt Nam trước đó cũng như ở các nước đồng văn. Vì lẽ đó, có thể khẳng định thơ trên kiến trúc cung đình Huế là sự độc đáo của một lối trang trí kiến trúc định hình, ổn định và phát triển thành một ngôn ngữ thẩm mỹ riêng biệt. Đó là một giá trị có tính đỉnh cao.

Hiện nay, mặc dù đã có nhiều cố gắng, chú ý nghiên cứu về hệ thống thơ trên di tích Huế nói chung, nhưng chúng tôi chưa tìm được loại tài liệu nào để có thể làm rõ về vấn đề tác giả. Ngoài trường hợp bài thơ *Vũ trung sơn thủy* và *Phước viên văn hội lương dạ mạn ngâm* chạm khảm xà cừ ở vách gỗ điện Long An là có ghi rõ do vua Thiệu Trị sáng tác (紹治御製詩 *Thiệu Trị ngự chế thi*), hầu như không có trường hợp nào đề cập đến tác giả thơ chạm khắc trên kiến trúc cung đình Huế. Vì các nguồn tài liệu hiện còn không nêu tác giả của các bài thơ trên kiến trúc cung đình Huế nên cách duy nhất để xác định tác giả hiện nay vẫn là bằng con đường đối chiếu với các tác phẩm “ngự chế thi” của các hoàng đế. Tuy nhiên, công việc đối chiếu này là một quá trình cực kỳ công phu, mất rất nhiều công sức và thời gian bởi lẽ thơ của các hoàng đế có hơn 11 ngàn bài nằm ở hàng trăm tập thơ khác nhau. Điều này sẽ khó mang lại kết quả. Do vậy, đến nay khi nghiên cứu về thơ trên kiến trúc cung đình Huế, các nhà nghiên cứu vẫn tạm xác định tác giả của chúng là vua quan triều Nguyễn.

Nghiên cứu về hình tượng nghệ thuật con người trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế mang ý nghĩa quan trọng vì tất cả các quan niệm về nó đã chi phối toàn bộ tác phẩm. Hình tượng con người trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế thể hiện rõ quan niệm nghệ thuật về con người trong văn học trung đại Việt Nam.

## 2. Nội dung

Mỗi thời đại sẽ có những “kiểu con người” khác nhau, mang quan niệm dấu ấn của thời đại đó. Điều này xuất phát từ những nội dung trong quan niệm xã hội, trong tư tưởng triết học nền tảng

mà thời đại đó đề cao. Do vậy, việc nghiên cứu hình tượng con người mang ý nghĩa rất quan trọng, vì con người với tất cả những quan niệm về nó đã chi phối toàn bộ tác phẩm của nhà văn. Trần Đình Sử viết về điều này như sau: “Quan niệm nghệ thuật về con người là một cách cắt nghĩa, lý giải tầm hiểu biết, tầm đánh giá, tầm trí tuệ, tầm nhìn, tầm cảm của nhà văn về con người được thể hiện trong tác phẩm của mình” [1, Tr. 15].

## 2.1. Con người vũ trụ đề cao thiên mệnh

Nền tảng xã hội thời trung đại gắn liền với đời sống nông nghiệp, phụ thuộc sâu sắc vào các điều kiện tự nhiên. Con người trung đại Việt Nam cũng như các nước đồng văn gắn bó mật thiết với thiên nhiên, với vũ trụ. Do vậy, con người và vũ trụ được quan niệm như một thể thống nhất và có tính phổ quát. Con người được xem là một tiểu vũ trụ tồn tại trong đại vũ trụ. Chính quan niệm con người vũ trụ đã chi phối mọi hình thái tinh thần xã hội.

Xuất phát từ nhận thức về mối quan hệ hữu cơ giữa con người và vũ trụ cũng như tập quán tư duy, người xưa đã xem mình là trung tâm khi miêu tả, xem xét và đánh giá tự nhiên. Thơ trên kiến trúc cung đình Huế có nhiều biểu hiện tập trung về điều này, thể hiện trước tiên ở vị trí, tư thế của con người trong vũ trụ, giữa đất trời để nhìn ngắm, mô tả, đánh giá, bày tỏ, v.v. với mọi sự vật, hiện tượng. Con người quan sát sự vận hành của thiên tượng: mặt trời, mặt trăng, tinh tú, mây, mưa, sấm, chớp, v.v. để tính thời tiết, tính nông lịch, thậm chí tính cả biến thiên thời cuộc. Với tần số xuất hiện trung bình là 11,02 lần qua 1.087 bài thơ trên kiến trúc được khảo sát. Tần số xuất hiện của các chữ nằm trong trường nghĩa này rất lớn: trời (thiên 天: 390 lần); đất (địa 地: 79 lần); trời, tên một quẻ trong Dịch học (càn 乾: 78 lần); đất, tên một quẻ trong Dịch học (khôn 坤: 40 lần); ngày, mặt trời (nhật 日: 201 lần); tháng, mặt trăng (nguyệt 月: 127 lần); tạo hóa, giáo hóa (hóa 化: 60 lần); mưa (vũ 雨: 145 lần); mây (vân 雲: 190 lần); sương, móc (sương 霜: 60 lần); gió (phong 風: 248 lần), sao trời (tinh 星: 40 lần), v.v. Đó quả là một "vũ trụ ngôn ngữ" được tích hợp qua tập quán tư duy.

Trong vũ trụ, con người phóng mắt ra bốn phương để khẳng định vị trí trung tâm của mình trong mối tương hợp, đan xen, trộn lẫn giữa hữu thể và vô thể; giữa hữu hạn và vô hạn:

– *Bản căn tùng bắc địa / Chi cán lộ nam thiên* 本根從北地 / 枝幹露南天 (Gốc rễ từ đất Bắc / Cành thân rõ Nam phương, *thơ trên Ngọ Môn*);

– *Đông táp từ từ phát / Tây vân tiệm tiệm thanh* 東颯徐徐拂 / 西雲漸漸清 (Từ từ thổi ngọn gió đông / Mây tây gió đẩy trời trong dần dần, *thơ trên lăng Đông Khánh*);

– *Bạch vân thu bắc tụ / Hồng nhật xuất đông cai* 白雲收北岫 / 紅日出東垓 (Mây trắng lui về hang hướng bắc / Mặt trời hồng lên từ hướng đông xa, *thơ trên lăng Minh Mạng*);

– *Nhật nhật thủy tình lãng thượng nhân / Bắc nam tào vận đệ niên tân* 日日垂情浪上人 / 北南漕運遞年頻 (Ngày ngày vẫn đoái nghĩ những người trên sóng nước / Hàng năm phải lần lượt chuyên chở từ nam chí bắc, *thơ trên điện Long An*).

Khái quát cao nhất của con người trung tâm vũ trụ là ước vọng tan hòa vào đất trời và bốn phương, tan hòa vào thiên nhiên và cây cỏ: *Dã hoa cổ mộc giai sinh ý / Lục hợp đồng xuân chuyển hóa ky* 堃花古木皆生意 / 六合同春轉化機 (Hoa đồng cổ thụ đều tươi mát / Lục hợp – trời đất và bốn phương – theo xuân mãi vận hành, *thơ trên điện Long An*). Từ vị trí đó, con người vũ trụ thức nhận được cái giới hạn của thực tại chính mình, tương giao trong mối quan hệ với tạo hóa vĩnh hằng:

<i>Quần sinh quy phủ tái</i>	群生歸覆載
<i>Vạn quốc hập thể hàng</i>	萬國翕梯航
<i>Cộng ngưỡng vô tư chiếu</i>	共仰無私照
<i>Hàm tri hữu đạo trường</i>	咸知有道長

(Mọi người trở lại với sự che chở của đất trời / Muôn nước hợp lại, vượt qua khó khăn/ Cùng ngẩng nhìn ánh sáng của trời, trăng, sao!<sup>1</sup> Tất cả đều biết có cái đạo trời cao xa, *thơ trên điện Thái Hòa*).

Trong cõi “thiên địa phú tái” này, con người là trung tâm trong hệ thống “Tam tài” (thiên – địa – nhân) được *thiên phú* (trời che), được *địa tái* (đất chở). Trong quan niệm “Tam tài” thì trời là đáng tối cao và tối linh, mà mệnh trời qua thuyết “Thiên mệnh” là một trong những nội dung quan trọng trong nền tảng chính trị để cai trị đất nước theo học thuyết Nho giáo vào thời Nguyễn. Nho giáo quan niệm đạo trời, lẽ trời lưu hành ở mọi vật và định phép sống cho mọi vật như một mệnh lệnh, sau chuyển thành nội dung là số phận do trời định đoạt. Con người hoàng đế mang chân mệnh “thiên tử”, là con trời, thay trời để cai trị thiên hạ. Thuyết “Thiên mệnh” có một ảnh hưởng rất sâu sắc trong ý thức hệ của triều Nguyễn, điển hình như: “Trời sinh ra dân, phải có đặt vua để cầm đầu và cai trị. Vua thừa mệnh trời phải có bầy tôi giúp đỡ chở che” [2, Tr. 133]. Con người vũ trụ luôn ứng xử phù hợp với quy luật tuần hoàn của tạo vật, âm tiêu dương trường. Một bài thơ ở Ngọ Môn biểu hiện rất khái quát về thuyết này:

<sup>1</sup> Nguyên văn là: *Vô tư chiếu*, tức là 3 điều không riêng. Rút gọn từ *Tam vô tư: Thiên vô tư phủ, địa vô tư tái, nhật nguyệt vô tư chiếu* ai (三無私: 天無私覆/地無私載/日月無私照: Ba điều không riêng: trời không che riêng ai, đất không chở riêng ai, mặt trời mặt trăng không sáng cho riêng ai). Ý ở đây chỉ đến sự công bằng.

<i>Xảo tượng gia ngôn lặc,</i>	巧匠嘉言勒
<i>Côn cương danh cửu tri.</i>	昆崗名久知
<i>Âm tiêu dương trường hậu,</i>	陰消陽長後
<i>Thiên đạo thái lai thì.</i>	天道泰來時

(Người thợ khéo khắc những lời đẹp/ Núi Côn Cương nổi tiếng mãi mãi đều biết vậy/  
Sau âm khí tiêu tan là dương khí nổi lên/ Đó là lúc đạo trời vận hành thông suốt, *thơ trên Ngọ Môn*).

Mệnh đề về vũ trụ đã trở thành một nội dung mấu chốt, chi phối thẩm mỹ văn chương. Nhiều bài phú trong "mẫu văn thơ phú" trong các kỳ khoa cử thời Nguyễn do bộ Lễ triều Nguyễn san định với các chủ đề như "*Thiên hành kiện phú*" (Trời vận động mạnh); "*Văn dĩ tải đạo phú*" (Văn dùng chở đạo); "*Dĩ đức vi xa phú*" (Lấy đức làm xe); "*Thu nhật huyền thanh quang phú*" (Mặt trời mùa thu treo sáng trong), v.v. đều xoay vần trong cái trục vũ trụ "thiên đạo" đó: "Này xem như thánh như thần: Vừa văn vừa vũ. Mở quyền hành ở trước vạn vật; ngồi hướng nam ở trên 9 châu. Bắt chước trời đất; đặt phép vuông tròn. Nói làm phép tắc, như người khéo cầm cương xe ngựa; nuôi cả âm dương, như thợ khéo trông coi nước nhà" (*Dĩ đức vi xa phú*) [3, Tr. 152]. Hay là "Nay xem ra, chỉ có vua dựng phép, dẫu vạn vật cũng dự tam tài; chỉ thánh nhân bắt chước trời lên ngôi quẻ Kiền mà dùng số 9. Cầm cương lĩnh của muôn việc; dùng then máy ở một lòng. Gốc ở đức kim mộc thủy hỏa thổ tương sinh; khiến cho mưa tạnh ầm rét gió không trái. Cõi đông, cõi nam, cõi bắc chỗ mặt trời chiếu không sai đồ toàn cơ. Sắc xanh, sắc đỏ, sắc trắng, sắc đen ánh mặt trời biến rõ ở sao Bắc đẩu so với phép hỗn thiên thì đúng" (*Thiên hành kiện phú*) [3, Tr. 148].

Nho giáo xem con người là một yếu tố của "tam tài" với ý niệm "thiên nhân hợp nhất", quan niệm này đã chi phối mạnh mẽ đến nghệ thuật. Trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế do vậy thường xuất hiện vóc dáng con người "tan hòa" với trời đất để khẳng định:

– *Phất hõ nhưong nhưong đàm khái trạch / Phôi thiên phôi địa giới vô cương 莽 嶽 穰 穰 覃 闈 澤 / 配天配地介無疆* (Đây tràn phúc lộc ban ân trạch / Thích hợp trời đất thật chẳng cùng, *thơ trên Triệu Miếu*);

– *Bao la thiên địa thái / Tận nhập đế vương đồ 包羅天地態 / 盡入帝王圖* (Cảnh sắc khắp trời đất / Thu vào hết cơ đồ của nhà vua, *thơ trên lăng Thiệu Trị*).

Gắn liền với quá trình xây dựng và không ngừng hoàn thiện mô thức tổ chức nhà nước là quá trình xây dựng kỷ cương xã hội theo quan điểm Nho giáo. Từ trong nội tại của nhà nước quân chủ, ý thức về việc tăng cường ổn định xã hội luôn là vấn đề then chốt, khẳng định sự tồn tại của chế độ. Trong quan điểm chính trị của chế độ quân chủ, mệnh trời luôn được dùng như một khái niệm để quảng bá cho một quyết tâm lớn, để khẳng định tính tất yếu của triều đại nào

đó mới được thiết lập hoặc giả là để củng cố cho “giềng mối” chính thống của một dòng vua. Đây cũng là một điển hình ở điện Thái Hòa:

<i>Cư trung hữu thánh nhân</i>	居中有聖人	Giữa ngôi có thánh nhân
<i>Thiên bảo mệnh thường tân</i>	天保命常新	Mệnh trời ban phúc lành
<i>Lý hội tam tài chính</i>	理會三才正	Lẽ tam tài <sup>2</sup> sáng sủa
<i>Tuy hoài vạn quốc tân.</i>	綏懷萬國賓	Quy phục nước xa gần

Hoặc ở điện Long An, có bài thơ làm vào dịp ban sóc (phát lịch) của vua Thiệu Trị cũng biểu hiện tương tự: *Thiên địa âm dương hàm định phán / Đế vương thống kỷ vĩnh tuyên chiêu* 天地陰陽咸定判 / 帝王統紀永宣昭 (Âm dương trời đất đều phân định rạch ròi / Kỷ cương pháp chế của đế vương mãi ban truyền).

Quan niệm về mệnh trời của Nho giáo cũng đã để lại nhiều dấu ấn sâu đậm trong phong tục cổ truyền, điển hình nhất là lễ Tế Giao (tế trời, cầu mưa thuận gió hoà), chỉ có Thiên tử mới được làm chủ tế. Trời được quan niệm với một uy đức mang tính phổ quát, cho nên người đứng đầu đất nước, thay trời để điều hành xã hội, phải thuận lòng trời mới có thể làm cho muôn dân ấm no, hạnh phúc; ngược lại, nếu trái ý trời thì muôn dân sẽ lâm vào kiếp nạn đắng cay, khổ nhục. Đó là quan niệm có tính tuyệt đối hóa về vai trò quyết định của mệnh trời. Con người vũ trụ trong thơ trên kiến trúc vì vậy mới xuất xử theo đạo trời, nhập tàng cùng tạo hóa:

– *Vạn hóa dao nguyên hoàng giác diệu* 萬化瑶源皇覺妙 (Vạn loài giáo hóa càng huyền diệu, *thơ trên đình Hương Nguyên, chùa Linh Mục*);

– *Lục hợp đồng xuân chuyển hóa kỳ* 六合同春轉化機 (Lục hợp [trời đất và bốn phương] theo mùa xuân mãi vận hành, *thơ trên điện Long An*);

– *Điều nguyên tán hóa công* 調元贊化功 (Ngợi ca công của tạo hoá đã điều hòa nguyên khí); *Tài thành diệu hóa công* 裁成妙化工 (Kỳ diệu công tạo hoá đã vun trồng công, *thơ trên điện Thái Hòa*);

– *Thiên mệnh hách hách / Du linh hoàng hoàng / Nhất nguyên đồng vận / Tứ phương vi cương* 天命赫赫 / 餘靈皇皇 / 一元同運 / 四方為綱 (Mệnh trời hiển hách / Bậc thánh nhân là người cao minh chính đại / Cùng vận hành theo nguyên lý “nhất nguyên” (tam giáo nhất nguyên hoặc tam giáo đồng nguyên) / Là giường mối của muôn nước, *thơ trên Triệu Miếu*).

<sup>2</sup> *Tam tài* gồm Thiên Địa Nhân, mang ý nghĩa là yếu tố cơ bản nhất của vũ trụ vạn vật, đồng thời cũng là ba yếu tố tác động muôn vật trong vũ trụ.

Bên cạnh con người vũ trụ hòa ái trong cõi thiên – địa – nhân, đề cao và làm theo “thiên mệnh” để quản lý, điều hành xã hội, quan niệm về con người trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế còn được đề cập theo quan niệm đạo đức, nghĩa lý xã hội. Do vậy, khuynh hướng mô tả con người gắn với sự giáo huấn thông qua chủ đề đạo đức có khuynh hướng phổ biến.

## 2.2. Con người xã hội coi trọng đạo đức

Thời Nguyễn, lực lượng sáng tác đều xuất thân từ lớp nho sĩ khoa bảng, chủ yếu là quan lại, kẻ sĩ và đặc biệt là lớp thi sĩ hoàng đế, hoàng thân. Họ đều xuất thân từ nền giáo dục Khổng học, nên việc trước tác văn chương suy đến cùng vẫn là đề cao tư tưởng Nho giáo với tinh thần “văn dĩ tải đạo”, “thi dĩ ngôn chí”, đề cao đạo đức phong kiến với chủ đích: “Để thuận cái lý tính mệnh gốc ở lòng mình; để tỏ văn tự đọc ngang thông cùng đạo trị. Văn như thế thực để tỏ rõ; sự tốt đẹp của trị hóa, làm trống kèn thời thái bình” (*Văn dĩ tải đạo phú*) [3, Tr. 150]. Văn chương nói chung đã có thể trở thành một phương tiện hữu ích trong việc duy trì và bảo vệ tôn ti trật tự xã hội. Do vậy, trong nội dung thơ trên kiến trúc cung đình Huế cũng xuất hiện hình tượng con người với quan điểm đề cao giá trị đạo đức của tư tưởng nho giáo.

Trong học thuyết Nho giáo, “Đạo nhân” của Khổng Tử chủ yếu nhấn mạnh nội dung học tập, rèn luyện, tu dưỡng nhân cách hoàn thiện, để làm người; đến Mạnh Tử thì đề cao việc vận dụng thực hành “Đạo nhân” trong chính trị và điều chỉnh các quan hệ xã hội, phát triển thành tư tưởng nhân nghĩa. Thơ trên kiến trúc cung đình Huế thể hiện giá trị đạo đức Nho giáo thông qua việc khẳng định nội dung về “đạo nhân” (đạo đức, nhân nghĩa, nhân đạo, nhân văn). Nhiều bài thơ đã nêu quan niệm về con người thông qua đạo đức, đánh giá về tác dụng của đạo đức, nhân nghĩa, đề cao chữ “nhân”, như một bài điển hình ở điện Thái Hòa:

<i>Nghĩa nhân chiêu tráng lệ</i>	義仁昭壯麗	Nhân nghĩa bừng tráng lệ
<i>Đạo đức trọng uy linh</i>	道德重威靈	Đạo đức trọng oai phong
<i>Bạch nhật khai long các</i>	白日開龍閣	Gác rồng mở ngày rạng
<i>Hồng vân ủng phụng đình</i>	紅雲擁鳳庭	Sân phụng ngập mây hồng

hoặc ở Triệu Miếu:

<i>Bồi triệu nhân cơ thùi thế trạch</i>	培肇仁基垂世澤
<i>Sùng thành cảnh thước hà thiên hưu</i>	崇成景鑠荷天休

(Bồi đắp nền nhân lưu phúc đức / Kính cẩn thành tâm hưởng an lành)

Quan niệm về con người đạo đức do vậy cũng tương đồng với con người nhân nghĩa. Nhân (nhân nghĩa) như một mệnh đề phổ quát xuyên suốt theo các quan niệm, tư tưởng, v.v.

Đó cũng là tư tưởng nhân trị (cai trị bằng đức nhân), coi con người như bản thân mình, đức nhân được xem là nội dung cốt lõi của tu thân. Do vậy, không phải ngẫu nhiên ngay ở Nghi Môn cầu Trung Đạo (Hoàng Thành) có bức hoành phi pháp lam với nội dung Cư nhân do nghĩa (居仁由義 – sống theo lòng nhân, làm theo điều nghĩa). Cũng không ngẫu nhiên trong khi tất cả các cửa vào ra Kinh Thành đều đặt tên theo phương vị (Chính Đông Môn, Đông Nam Môn, Chánh Tây Môn, Tây Nam Môn, v.v.), thì hai cửa chính ra vào Kinh Thành được đặt tên là Thể Nhân Môn (體仁門 – thể hiện điều nhân nghĩa) và Quảng Đức Môn (廣德門 – mở rộng đức độ). Cũng không phải ngẫu nhiên mà hai cửa hông ra vào Hoàng Thành được đặt tên là Hiển Nhân Môn (顯仁門 – làm rõ điều nhân nghĩa) và Chương Đức Môn (彰德門 – làm rực rỡ đức độ). Hai câu thơ trên điện Thái Hoà đã tiếp tục cổ xúy cho mệnh đề nhân đức đó:

*Hậu trạch thâm nhân hà nhĩ mộ*                      厚澤深仁遐邇慕

*Thần công thánh đức sử thư thùy*                神功聖德史書垂

(On nặng nhân sâu gần xa mến / Công thần đức thánh sử thư truyền).

Những nội dung này rõ ràng đã quảng bá cho khái niệm nhân – đức, hiện hữu trên kiến trúc với chủ đích nhất định của triều Nguyễn. Việc “chương đức”, “quảng đức”; việc “hiển nhân”, “thể nhân” theo đó mà được “triển khai”. Thơ trên kiến trúc cung đình Huế đã khái quát hình tượng con người hành xử theo nhân – đức như một mệnh đề được phát triển có tính hệ thống với các luận điểm cụ thể, rõ ràng. Một bài thơ trên Thế Miếu đã khái quát khát vọng vươn tới cái đức của triều đại:

*Đột ngột thiên tầng tũn*                      突岬千層峻                      Vút cao ngàn tầng núi

*Trùng ngưng vạn khoảnh thâm*                澄凝萬頃深                      Trong vắt vạn đáy sâu

*Sơn xuyên tranh thịnh đức*                      山川爭盛德                      Non sông tràn đầy đức

*Tiêu cự biểu thành tâm*                      蕭炬表誠心                      Cây cỏ tỏ lòng thành

Trước hết, xuất phát từ quan niệm thời trung đại, con người xem sự vật cũng có những thuộc tính như con người, gán “tâm” cho sự vật, xem sự vật khách quan cũng có thuộc tính chủ thể, nên cái đức được nhận thức như một “tồn tại khách quan” trong sự vật, hiện tượng:

– Xem trời cũng có tính đức: *Nhật nguyệt quang thiên đức* (日月光天德 – Đức trời sáng cùng nhật nguyệt, *thơ trên lăng Đồng Khánh*); *Thiên giám quyết đức* (天鑒厥德 – Trời soi xét đức hạnh, *thơ trên Triệu Miếu*); *La hàm đức khả quan* (羅含德可觀 – Có thể thấy được cái đức bao trùm của trời, *thơ trên điện Long An*).



“Mẫu văn thơ phú” của triều Nguyễn có đoạn: “Đức không đâu xa mà đến; xe đi đến đâu cũng đều thông. Theo phép cả đi trên mặt đất; vốn chí công ở trong lòng trời. Làm đều đúng cả, không ngăn trở bề ngoài; đi đâu cũng lợi, có giữ vững ở bên trong. Đây là việc tốt của thánh nhân; thấy xoay vần có công hiệu” (*Dĩ đức vi xa phú* – Bài phú lấy đức làm xe) [3, Tr. 152]. *Minh Mệnh chính yếu* cũng có đoạn: “Cái đức của Trời, Đất thường hiện ra cho thấy ở mùa xuân, mà cái việc đầu tiên của Thánh nhân cũng nhân đó tìm ra mối mà làm việc phước (...) Chính trong lúc trời ban cho, đất sinh ra làm đầu, nên trước hết phải ban bố điều nhân để ơn mưa móc được phổ cập đến với mọi người” [4, Tr. 323]. Triển khai như một luận điểm, thơ trên kiến trúc cung đình nói nhiều về chữ Đức (đạo đức, cái đạo để lập thân) là sự bày tỏ ước nguyện “đạt đức” của người quân tử trong tư tưởng Nho gia. Theo quan niệm của Khổng Tử, người quân tử nếu có ba điều “nhân – trí – dũng” thì có thể gọi là đạt đức. Về sau, Mạnh Tử loại yếu tố “dũng” và thay vào đó các yếu tố “lễ, nghĩa” tạo thành “tứ đức” gồm nhân – trí – lễ – nghĩa. Một đoạn thơ ở điện Long An khẳng định:

<i>Bôi phù khúc ngạn không lưu thắng</i>	杯浮曲岸空留勝
<i>Nguyệt xạ phương chư tự hữu linh</i>	月射方諸自有靈
<i>Kích trọc dương thanh chương tứ đức</i>	激濁揚清彰四德
<i>Tàng châu hiến mỹ tựu trung hình</i>	藏珠獻媚就中形

(Bờ cong thả chén, vẫn còn đây / Chiếu sáng muôn phương ánh nguyệt đầy / Gạn đục khơi trong nêu tứ đức / Ngọc xinh giấu kín lại phô bày).

Đến thời Hán, Nho giáo bổ sung thêm yếu tố “tín” và trở thành “ngũ thường” với đầy đủ: nhân – nghĩa – lễ – trí – tín. Đó là 5 yếu tố thuộc nội hàm của khái niệm đức, là cái đạo để lập thân của người quân tử. Ngoài tiêu chuẩn ấy, người quân tử còn phải biết thi, thư, lễ, nhạc, phải thể hiện vốn văn hóa toàn diện. Đó là những yếu tố có những quan hệ ràng buộc chặt chẽ, đức và văn là những phạm trù không thể tách biệt. Tất nhiên, hơn ai hết, bậc thánh nhân phải làm sáng được cái đức của người quân tử: *Linh đức cao tiêu quân tử tháo / Thánh nhân vị tác ái tài chương* 靈德高標君子操 / 聖人為作愛才章 (Đức nêu tiết tháo người quân tử / Bậc thánh vì tài thích tụng ca, thơ trên điện Long An).

Đức là cơ sở, là thước đo, nên toàn bộ xã hội được xem xét, nhìn nhận, đánh giá trên một hệ thống quan niệm. Người quân tử phải không ngừng rèn luyện, tu thân trau dồi nhân cách và đạo đức nhằm phục vụ cho mục tiêu là tự thân hoàn thiện và giúp mọi người đạt đến sự nhận thức và hành động về đạo đức ở mức cao nhất, khiến con người phải từ bỏ ác tà hướng đến thiện mỹ. Ở đây, con người đạo đức quân tử phải làm cho đức hóa đến muôn dân như một sứ mệnh, do vậy, thơ trên kiến trúc đã tạo nên một lối diễn đạt có tính chất nghi thức: *Đồng nhân*

*phu thánh hoá* 同仁敷聖化 (Cùng điều nghĩa nhân phô bày sự giáo hóa của thánh nhân); *Hà phương triêm thánh hóa* 遐方霑聖化 (Phương xa thấm giáo hóa của bậc thánh); *Cửu châu triêm thánh hoá* 九州霑聖化 (Cửu châu<sup>3</sup> đều thấm nhuần sự giáo hóa của vua), v.v. Đây là sự thể hiện cao nhất, là đạo nhân đã được giáo hóa đến khắp nơi qua một bài thơ ở điện Thái Hòa:

<i>Suất thổ triêm hoàng hóa</i>	率土霑皇化
<i>Như thiên phổ đế nhân</i>	如天溥帝仁
<i>Cửu cù ca Thuấn đán</i>	九衢歌舜旦
<i>Tứ hải vọng Nghiêu vân</i>	四海望堯雲

(Khắp nơi đều thấm nhuần việc giáo hóa của hoàng đế/ Đường như đâu cũng rõ lòng nhân của vua/ Chín nẻo ca ngợi ban mai của vua Thuấn/ Bốn biển ngắm mây của vua Nghiêu<sup>4</sup>).

Bàn về cốt lõi của chữ “đạo”, kinh điển Nho gia viết: “Đạo học lớn cốt để phát huy đức sáng, đức tốt đẹp của con người, đổi mới khiến lòng dân bỏ cũ theo mới, bỏ ác theo thiện, khiến mọi người đạt đến mức độ đạo đức hoàn thiện nhất. Có hiểu được phải đạt đến mức độ đạo đức hoàn thiện nhất thì mới kiên định chí hướng” [5, Tr. 11]. Thơ ở đây còn thể hiện niềm ước vọng, nỗi khát khao để đạt được “đỉnh cao” của tu thân: *Thế đức tác cầu* (世德作求 – Mong đức để đời, *thơ ở điện Long Ân, lăng Dục Đức*). Có thể thấy rằng, chủ đề đạo đức, khuynh hướng giáo huấn nhân nghĩa là có tính phổ biến đối với thơ trên kiến trúc cung đình Huế. Giáo huấn nhân nghĩa là nội dung được đề cập đến nhiều lần và cũng được trình bày như những luận đề có chủ ý:

– *Lộ trích nhân thiên lưu ngọc dịch* (露滴仁天流玉液 – Sương giọt xuống sự nhân nghĩa của trời lưu trong dòng nước ngọc, *thơ trên Triệu Miếu*);

– *Như thiên phổ đế nhân* (如天溥帝仁 – Đường như khắp trời đâu cũng rõ lòng nhân của vua, *thơ trên điện Thái Hòa*);

<sup>3</sup> Thơ trên kiến trúc cung đình thường nhắc đến khái niệm *Cửu Châu* hay *Cửu cai* dùng để chỉ một vùng đất rộng lớn, ý nói khắp đất nước. Theo truyền thuyết Trung Quốc, sau khi Hạ Vũ chia “thiên hạ” thành chín châu (cửu châu), lấy đồng của các châu đúc thành chín đỉnh (cửu đỉnh), khắc tinh hoa phong cảnh của chín châu vào Cửu Đỉnh, mỗi Cửu Đỉnh tượng trưng cho một châu, toàn bộ cất giữ tại kinh đô nhà Hạ. Vì thế, Cửu Đỉnh trở thành biểu trưng cho quyền uy của chính quyền phong kiến và sự thống nhất quốc gia. Từ đó có câu nói “Có được Cửu Đỉnh là có được thiên hạ”.

<sup>4</sup> Thơ trên kiến trúc cung đình Huế nhiều lần nhắc đến điển tích Nghiêu – Thuấn, đây là vua Nghiêu và vua Thuấn, hai vị vua kế tiếp nhau trong huyền sử Trung Hoa cổ đại. Tương truyền là hai vị minh quân và thời Nghiêu Thuấn được coi là thời thái bình an lạc.

– *Ưu du phùng thịnh đán / Phú thứ hữu hoàng nhân* (優游逢盛旦 / 富庶囿皇仁 – Nhân hạ khi gặp ngày thịnh trị / Lấy nhân nghĩa của bậc thánh hoàng mà quy tụ mọi người, *thơ trên Hưng Miếu*);

– *Nghĩa nhân chiêu tráng lệ* (義仁昭壯麗 – Nghĩa nhân sáng tỏ thêm cho sự tráng lệ, *thơ trên điện Thái Hòa*), v.v.

“Nhân” chính là vấn mấu chốt trong tu dưỡng của con người trong các mối quan hệ, trở thành quy phạm để rèn luyện không ngừng: *Chỉ ư chí thiện tuân kinh sử / Hành bất vi nhân pháp điển mô* 止於至善遵經史 / 行不違仁法典謨 (Tuân theo kinh sử “chỉ ư chí thiện” / Noi theo phép tắc làm không trái đức nhân, *thơ trên lăng Minh Mạng*). Đó cũng là sự ghi lòng theo kinh sử. Sách Đại Học nhấn mạnh: Cái đạo của bậc đại học là ở sự làm cho sáng cái đức sáng, ở sự thân yêu con người, ở sự đến chí thiện mới thôi (大學之道, 在明明德, 在親民, 在止於至善: Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện) [6, Tr. 194]. Nếu như những giáo huấn nhân nghĩa trên được trình bày, đề cập như những mệnh đề có tính “lý luận”, thì các ví dụ sau là những “thực hành” về điều nhân ấy. Chỉ là một câu chuyện đánh cá, rồi phóng thích, nhưng nội dung lại bàn đến lòng nhân của con người, lòng nhân trong xử thế như ở một bài trên điện Thái Hòa:

<i>Đả ngư hà thủy bạn</i>	打魚河水畔	Bên sông buông lưới cá,
<i>Phóng dưỡng hậu đình tân</i>	放養後庭濱	Rồi thả nuôi hồ gần
<i>Nội ngoại ái tăng biệt</i>	內外愛憎別	Yêu ghét trong ngoài rõ,
<i>Dụng tâm nhân bất nhân</i>	用心仁不仁	Ấy cũng bởi lòng nhân.

Để cuối cùng, đỉnh cao của sự giáo hóa về nhân nghĩa trong thi ca là sự thể hiện khát vọng về một chữ nhân phổ quát khắp cùng; lòng nhân được nhân lên với mọi quốc gia, dân tộc: *Bán thiên khai Thái vận / Vạn quốc hữu đồng nhân* 半干開泰運 / 萬國有同仁 (Người hiền tài<sup>5</sup> mở ra vận hanh thông / Muôn nước đều có cùng sự nhân nghĩa, *thơ trên điện Thái Hòa*).

Nhìn chung, từ đạo đức đến nhân nghĩa, thơ trên kiến trúc cung đình Huế là sự khái quát, giáo hóa đức nhân với những chuẩn mực phong kiến. Đức và nhân là điều kiện cần của người quân tử, bậc thánh nhân gắn liền với chức phận và sứ mạng của đáng trượng phu. Trên hết, đó là

<sup>5</sup> Trong nhiều bài thơ trên kiến trúc có hai từ *bán thiên*: nửa ngàn và *ngũ bách*: năm trăm (dùng chỉ bậc kẻ sĩ, hiền tài). Hai từ trên trong thơ trên kiến trúc có cùng nghĩa, liên quan đến điển: trong sách Đường Thư có kể chuyện Vương Nghĩa Phương thường thường cho tài năng của Viên Du Khánh và có nhận xét về nhân vật này như sau: “Cứ phải 500 năm thì mới xuất hiện một hiền tài, người đúng là người đó”. Do vậy, Viên Du Khánh mới được đổi tên là Viên Bán Thiên – nửa ngàn; bán thiên hay ngũ bách đều thế.

sự chuyển tải những giáo lý Nho gia thông qua hình tượng con người đạo đức đề cao nhân nghĩa gắn liền với con người vũ trụ hòa ái thiên nhiên. Không dừng ở đây, thơ trên kiến trúc cung đình Huế còn đề cập đến kiểu con người đẳng bậc với ý thức sứ mệnh rõ nét.

### 2.3. Con người đẳng bậc ý thức sứ mệnh

Đối với thời trung đại của các nước đồng văn, quan niệm về cái đẹp gắn với con người được nhận thức theo tôn ti, tầng bậc trong xã hội: quân tử – tiểu nhân, quý tộc – bình dân, thượng lưu – dân dã, được khái quát thành 12 hạng người chủ yếu là công, hầu, khanh, tướng; sĩ, nông, công, thương; ngư, tiều, canh, mục.

Thời trung đại đề cao con người quân tử hiểu mệnh trời, xem quân tử là giai đoạn tiến hóa cao của tiểu nhân. Quân tử thì phải biết rèn luyện nhân nghĩa nhằm tiếp tục giáo hóa tiểu nhân từ bỏ dục vọng bản năng để hướng thiện, cải tà quy chánh. Quan niệm này đã hình thành nên hình tượng con người đẳng bậc. Thơ trên kiến trúc cung đình Huế khi quan niệm về con người đẳng bậc với ý thức sứ mệnh đã làm nên một hệ thống các đối tượng trong xã hội, từ người đứng đầu là chủ thể quản lý tối cao như bậc đế vương (với nhiều cách định danh), là chủ thể quản lý thừa lệnh các vương thần (công, hầu, khanh, tướng) đến đối tượng quản lý là thần dân (cũng với nhiều cách định danh) thậm chí là những đối tượng rất cụ thể như người học thức (sĩ), người thợ (công), người dân cày (nông), người dân chăn trâu (mục). Ví dụ:

– Chỉ đối tượng cá nhân, từ cao đến thấp: người đứng đầu như *Thiên tử* (天子 – con trời), *Đế vương* (帝王 – nhà vua), *Thánh đế* (聖帝 – nhà vua), *Thánh nhân* (聖人 – bậc thánh, nhà vua), *Thánh hoàng* (聖皇 – nhà vua); các loại người khác trong xã hội như *Tư dân* (斯民 – người dân ấy), *Cao sĩ* (高士 – kẻ sĩ thanh cao), *Xảo tượng* (巧匠 – người thợ lành nghề), *Nông* (農 – nhà nông), *Mục* (牧 – mục đồng, người chăn trâu), v.v.

– Chỉ đối tượng tập thể, từ cụ thể đến khái quát như *Vương thần* (王臣 – đình thần của vua), *Thần dân* (臣民 – đình thần và người dân, nhân dân), *Dân* (民 – người dân), *Thiên hạ* (天下 – mọi người), *Quần sinh* (群生 – mọi thần dân), *Vạn tính* (萬姓 – vạn dân, nhân dân), *Bách tính* (百姓 – trăm họ, nhân dân), *Hậu sinh* (後生 – lớp người sau), v.v.

Đó quả thực là một bức tranh xã hội với nhiều hạng người tồn tại trong ngôn ngữ thơ. Điều này nói lên rằng, con người đẳng bậc trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế trước hết đã được phản ánh qua sự tổng hòa các mối quan hệ xã hội.

Con người đẳng bậc trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế xuất phát từ tinh thần tự tôn dân tộc để đề cao triều đại, đề cao vị thế quốc gia. Trong lịch sử, Trung Hoa luôn xem Việt Nam và các nước khác trong khu vực là nước nhỏ, chịu sự lệ thuộc vào nước lớn, là chư hầu của nước

lớn. Văn kiện ngoại giao của Trung Hoa gửi Việt Nam trước đây thường xuất hiện cụm từ Việt Nam quốc vương (越南國王) – quốc vương là một khái niệm chỉ vua các nước chư hầu của Trung Hoa. Tuy nhiên, đã trải nghìn năm, ý thức dân tộc khiến cho người Việt Nam đã có ý tách ra, các vị vua đều xưng là Hoàng đế. Từ sau năm 981, vị thế nước ta bấy giờ từng được khẳng định qua cách xưng trong *Nam quốc sơn hà Nam đế cư* (南國山河南帝居). Đến thời Nguyễn, tính cách đế này càng rõ nét ở nhiều khía cạnh. Bằng cách công bố tính cách “đế” với chân mệnh “thiên tử”, qua ngôn ngữ hành chính và ngôn ngữ nghệ thuật, triều Nguyễn cũng đã tiếp tục khẳng định vị thế của đất nước trong quan hệ với các nước khác. Trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế, chân mệnh thiên tử đó càng được khẳng định đậm nét khi sử dụng đến 346 lượt khái niệm chỉ hoàng đế, thánh nhân với 89 lần đế (帝), 116 lần hoàng (皇) và 141 lần thánh (聖) trên tổng số hơn 1.000 bài thơ! Đó còn là cách để khẳng định sự chính danh trong quan điểm Nho giáo, sự vật phải ứng với tên gọi, mỗi người phải làm đúng với chức phận của mình, mọi người cần phải nhận thức và hành động theo đúng địa vị của mình. Trong điều hành đất nước, chính danh thể hiện qua việc hướng xã hội đến một tôn ti, trật tự rõ ràng. Có thể thấy rằng, trong đặc điểm ngôn ngữ, cùng với các văn bản hành chính có tính chất quản lý nhà nước vào thời Nguyễn thuộc thẩm quyền ban hành của nhà vua như: chiếu, lệ, lệnh, chỉ, dụ, sắc cùng một số công văn khác, trong ngôn ngữ thơ trên kiến trúc cung đình Huế thường xuất hiện các từ như *đế vương, thiên tử, thánh nhân, thánh hoàng*. Việc sử dụng các cụm từ này thể hiện rõ hai ý đồ của triều Nguyễn: một là, trong quan hệ đối nội, triều Nguyễn khiến cho trăm họ thấy rằng đây là triều đại mới thiết lập, sự lên ngôi chính thống của vị vua mới, xã hội đã được xác lập tôn ti; hai là, thực hiện ý đồ đối ngoại, triều Nguyễn công bố quyền tự chủ của đất nước đối với các nước khác. Điều này đã được thể hiện rất rõ trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế:

– *Thiên địa âm dương hàm định phán / Đế vương thống kỷ vĩnh tuyên chiêu* 天地陰陽咸定判 / 帝王統紀永宣昭 (Trời đất âm dương phân định rõ / Đế vương pháp chế mãi ban truyền, *thơ trên điện Long An*);

– *Càn thủy khôn sinh tham đại hóa / Vương công đế đạo 闡鴻猷* 乾始坤生參大化 / 王功帝道闡鴻猷 (Vận trời mới đất sinh sôi dự phần vào vũ trụ / Công vua, đạo hoàng đế mở kế sách lâu dài, *thơ trên Triệu Miếu*);

"Tính cách đế" ấy cũng nhiều lần được khẳng định trong thơ trên điện Thái Hòa: *Quần phương ca đế đức* 群方歌帝德 (Muôn phương ca tụng đức của hoàng đế); *Xuân phong mãn đế đô* 春風滿帝都 (Gió xuân tràn ngập khắp kinh đô của hoàng đế); *Quần tinh cùng đế xu* 群星拱帝樞 (Muôn vì tinh tú châu về nghiệp đế); *Sơn hà tráng đế cư* 山河壯帝居 (Núi sông

tráng lệ tại đế đô); *Thiên niên điện đế cơ* 千年奠帝基 (Ngàn năm định hình cơ nghiệp của hoàng đế), v.v.

Ý thức sứ mệnh được khái quát trên bình diện tinh thần, suy nghiệm qua các hình thức tu dưỡng, tự khẳng định mình bằng cách gắn bản thân với đạo, nhằm không ngừng hoàn thiện nhân cách. Con người đứng bậc trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế nói nhiều về chữ “đạo” của người quân tử. Ở điện Thái Hòa có các câu như: *Chấp trung hoàng đế đạo* 執中弘帝道 (Nắm giữ mở rộng cái đạo của hoàng đế); *Đãng bình khai đế đạo* 蕩平開帝道 (Giữ sự ngay thẳng mà mở ra đạo của hoàng đế); *Phông cổ hành vương đạo* 倣古行王道 (Phông theo xưa để thi hành vương đạo); *Thánh nhân cử kỳ đạo* 聖人久其道 (Bậc thánh nhân từ lâu đã vững đạo lý), v.v.; ở Ngọ Môn như *Thiên đạo thái lai thì* 天道泰來時 (Đạo trời vận hành thông suốt); *Hành đạo tế thời hiền* 行道濟時賢 (Thời nay người hiền tài thực hành đạo giúp đời); ở Thế Tổ Miếu như *Vương công đế đạo xiển hồng du* 王功帝道闡鴻猷 (Công vua, đạo hoàng đế để mở kế sách lâu dài); ở điện Long An như *Vi chính đắc nhân long trị đạo* 為政得人隆治道 (Làm chính sự được nhân tâm là đạo trị nước); ở đình Hương Nguyễn chùa Linh Mục như *Phật nhật tăng huy đế đạo long* 佛日增輝帝道隆 (Phật pháp ngày càng thêm rạng rỡ, đạo của hoàng đế lớn lao thay), v.v.

Chữ đạo mà Nho giáo quan niệm thực chất là những tác động thúc đẩy sự hình thành và chuyển hóa sự vật, hiện tượng trong vũ trụ, những chuyển biến không ngừng trong mối quan hệ tam tài (thiên – địa – nhân) trong mô hình trật tự của hai chiều âm – dương. Người quân tử nắm được quy luật này để điều chỉnh, rèn luyện. Con người đứng bậc trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế còn thể hiện ở thái độ tôn xưng với những con người bề trên, phân biệt với những người khác. Điều này thể hiện rõ nét nhất là ở hệ thống thơ trên Thế Miếu và điện Long Ân, lăng Dục Đức. Cách miêu tả của thơ tại Thế Miếu và điện Long Ân chịu sự chi phối của quan niệm đứng bậc về con người. Trong thơ tại hai kiến trúc này nổi lên hình ảnh của các vị vua tiền nhiệm, các bậc thánh hiền linh, đều được quan niệm là những “đấng”, những “bậc” khả kính. Đối với những nhân vật này, ngôn ngữ thơ thường gắn với tính chất trang trọng, giàu màu sắc tượng trưng.

<i>Hoàng hoàng chính thống khai trùng tân</i>	皇皇正統啟重新
<i>Chinh phạt do lai trượng nghĩa nhân</i>	征伐由來仗義仁
<i>Biện hữu bát niên cần phủ tự</i>	卞有八年勤撫字
<i>Chung lê cộng khánh thái bình xuân</i>	烝黎共慶太平春

(Lón lao nổi nghiệp lại trùng tân / Chinh chiến xưa nay lấy nghĩa nhân / Vội vã tám năm trời phủ dụ / Toàn dân vui hưởng thái bình xuân, *thơ trên Thế Miếu*).

Nội dung của các bài thơ này chủ yếu biểu thị một thái độ tôn xưng đối với các bậc vua chúa tiền nhiệm, tán tụng công đức gây dựng cơ đồ, khai sáng triều đại, xây dựng một đất nước hùng cường, mở rộng bờ cõi của vị hoàng đế đầu triều.

Từ ý thức sứ mệnh, khẳng định vai trò hoàng đế với sự chính danh ngôi vị, con người đứng bậc còn thể hiện với trách nhiệm tối cao là “chăn dân”, mà cái ăn của dân là quan trọng hàng đầu như câu thơ ở điện Thái Hòa: *Bất ưu tân khốc thử / Thả hỷ dụ dân thiên 不憂頻酷暑 / 且喜裕民天* (Không lo khi luôn nắng nhiều/ Hãy mừng vì cơm áo của dân được đầy đủ).

Hoặc là câu thơ ở điện Long An: *Niệm niệm dân thiên thiết ngã tư / Cận nhân vị hạ lân ngâm thi 念念民天切我思 / 近因未暇懶吟詩* (Mong ngóng cho cái ăn của dân là điều cấp thiết mà ta lo nghĩ / Đó là nguyên nhân mà khi nhàn hạ khó có thể ngâm thơ).

Hay là câu thơ ở lăng Minh Mạng: *Tiêu cán dân thiên truân dĩ niệm / Nhất tinh nhất vũ ngã tam tư 宵旰民天肫與念 / 式晴式雨我三思* (Đêm ngày luôn ghi nhớ lo cái ăn cho dân / Mỗi lần tạnh, mỗi lần mưa đều là nỗi lo của ta).

Các câu thơ trên có sức khái quát về một con người đứng bậc với ý thức sứ mệnh rõ nét. “Dân thiên” chính là nghĩa rút gọn từ quan niệm “Dân dĩ thực vi thiên” (Dân lấy cái ăn làm trời). Đây là một câu trong sách Hán Thư “Vương giả dĩ dân vi thiên, dân dĩ thực vi thiên” (王者以民為天民以食為天 – Bậc làm vua thì lấy dân làm trời, còn dân thì lấy cái ăn làm trời). “Dân lấy miếng ăn làm trọng, nên muốn trị dân, trước hết phải làm cho dân no ấm, vì dân đói thì nước loạn (...) nước loạn hay nước yên là tùy ở dân bị đói kém hay no đủ” [7, Tr. 192]. Con người vì vậy mà luôn ưu tư trước cảnh thiên tai, mất mùa, trước những dự báo xấu về đời sống nông nghiệp: *Tây trừ giai mãn tiến / Nam mầu hựu tàn tiện 西疇皆滿沔 / 南畝又殘賤* (Ruộng miền Tây đều đầy nước lụt / Ruộng miền Nam lại bị hư hại, *thơ trên lăng Thiệu Trị*).

Đó quả là những điển hình về con người của tấm lòng, của trách nhiệm chăn dân, thể hiện cách bày tỏ quan điểm của mình. Ý thức sứ mệnh của con người đứng bậc về trách nhiệm xã hội cũng chú trọng vào lĩnh vực chính trị, đạo đức, những vấn đề quyết định sự an nguy của triều đại, sự ổn định của xã hội. Điều này còn được nhiều lần chứng minh trong sử sách. Khi quả phạt quan lại địa phương chậm trễ trong việc cứu đói cho dân bị mất mùa, hoàng đế Minh Mạng từng xuống dụ rằng: “Trước đây tại Nam Định gạo kém, đã ra ân dụ phát gạo kho ra năm vạn hộ để bán, cho vay, hoặc phát chẩn cho dân được nhờ đó mà thư thái. Đáng lẽ phải lập tức tuân làm để đỡ cấp thiết cho dân (...); và lại giúp đỡ người nghèo khó, sớm một ngày là dân được nhờ một ngày, sao lại còn phải kê cứu chậm trễ như thế. Sờ dĩ dân đói không thể sống được, lỗi ấy tại ai?” [4, Tr. 282]. Con người đứng bậc vì vậy mới chan hòa vào niềm vui được

mùa của dân. Trên đường tạm nghỉ bên ao (池塘小憩 – Trì đường tiểu khế, *thơ trên điện Long An*), con người đó đã bày tỏ những tình cảm, suy tư của mình:

<i>Kỷ hồi vô hạ nhật</i>	幾回無暇日	Bấy nay không ngày rỗi,
<i>Đắc vũ vị lai lâm</i>	得雨為來臨	Gặp mưa đến đây mà.
<i>Thời nhược niên phong lạc</i>	時若年豐樂	Tiết thuận vui trúng vụ,
<i>Dân tâm tức ngã tâm</i>	民心即我心	Lòng dân tức lòng ta.

Bên cạnh sự xuất hiện của con người vũ trụ, đáng bậc với những trăn trở về nghĩa vụ “kinh bang tế thế”, thơ trên kiến trúc cung đình Huế còn thể hiện những nỗi day dứt về những con người đời thường. Đó còn là ý thức sứ mệnh cùng với nghĩa vụ trong quan hệ cộng đồng.

<i>Thuần tuân mẫn mục dê</i>	逡旬憫牧羝	Lo vết chai mục đồng,
<i>Bạt thiệp bì ngư thác</i>	跋涉疲牛跡	Theo bóng trâu lặn lội.
<i>Cánh phục nậu điền nê</i>	更復耨田泥	Vừa cày ở ruộng sâu,
<i>Bất đồ canh thổ tháp</i>	不徒耕土塌	Lại bừa cao khắp lối.

Đến đây, từ con người đáng bậc, con người trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế đã “chuyển hóa” thành con người có dấu ấn cá nhân, phản ánh cái tôi giải bày, diễn tả những tình cảm riêng tư. Tuy không xuất hiện nhiều, nhưng đó cũng là điểm đáng ghi nhận trong hình tượng nghệ thuật con người đáng bậc với những ý thức sứ mệnh của người cầm cân nảy mực trong xã hội. Trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế, hầu như con người cá nhân chưa được ý thức để xây dựng thành một hình tượng nghệ thuật có hệ thống. Điều này dĩ nhiên xuất phát từ cơ sở xã hội phong kiến về phương diện kinh tế, không dựa trên nền tảng cá nhân. Vì vậy, các giá trị cá nhân không được đánh giá từ bản thân phẩm chất cá nhân mà ở vai trò của cá nhân trong mối quan hệ giai tầng, tương ứng với những chuẩn mực chung. Trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế nói riêng, con người xuất hiện theo phương thức đồng trực, đồng dạng về tư tưởng tình cảm, với các mối quan hệ xã hội, đạo đức, ít mang hình sắc cá nhân. Đây cũng là đặc điểm khá nổi bật của hình tượng con người trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế.

Từ những phân tích về quan niệm nghệ thuật về con người, có thể thấy rằng, thơ trên kiến trúc cung đình Huế đã thể hiện một mảng chủ đề lớn trong việc phổ biến những nguyên tắc có tính chất đường lối căn bản của Nho giáo gắn liền với tư tưởng văn trị, lễ trị và nhân trị; thể hiện quan điểm đề cao quản lý xã hội bằng tri thức, bằng sự hiểu biết, bằng các thiết chế xã hội; đề cao nghi lễ trong trị quốc và dùng lòng nhân ái để quản lý, điều hành xã hội. Xuất phát từ quan niệm nghệ thuật về con người gắn với các đặc điểm trên, không gian và thời gian nghệ thuật trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế được “triển khai” với các nội dung tính chất có tính “hô ứng”, hòa vào dòng chảy của thế giới nghệ thuật đặc biệt này.



### 3. Kết luận

Việc phân tích tìm hiểu hình tượng nghệ thuật về con người cùng các mối quan hệ khăng khít của nó đã cho thấy thơ trên kiến trúc cung đình Huế là một hệ thống ngôn ngữ nghệ thuật mang sắc thái riêng, tiêu biểu cho trường thẩm mỹ thời đại, có những hình thức thể hiện mang đậm bản sắc. Thơ ở đây đã chuyển tải những ý thức thẩm mỹ, những lý tưởng xã hội gắn kết cùng bối cảnh lịch sử xã hội nhất định qua các quan niệm về mỹ học, triết học của thời đại sản sinh ra chúng. Tiền đề cơ sở ấy là yếu tố không thể bỏ qua khi nghiên cứu thơ trên kiến trúc cung đình Huế nói riêng cũng như thi ca thời trung đại nói chung.

Hình tượng con người với tất cả những quan niệm như vậy đã được miêu tả trong sự hô ứng của cả thế giới không – thời gian cũng đầy quan niệm. Trong nghệ thuật, con người, không gian và thời gian đều được mô tả, tạo dựng dưới dạng hình tượng, vì thế không gian và thời gian nghệ thuật được xem là hình thức tồn tại của hình tượng con người. Do vậy, để tiếp tục tri nhận một cách đầy đủ về hình tượng nghệ thuật về con người thì tất yếu cần tiếp tục tìm hiểu về không gian, thời gian nghệ thuật trong thơ trên kiến trúc cung đình Huế.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đình Sử (1997). *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Tự Đức (1970). *Tự Đức thánh chế văn tam tập* (tập1), Ủy ban Dịch thuật Phủ Quốc vụ khanh đặc trách xuất bản, Sài Gòn.
3. Nội các triều Nguyễn (2005). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (Trần Huy Hân, Nguyễn Thế Đạt dịch) Tập IV, Trung tâm khoa học XH & NV quốc gia (Viện Sử học), Nxb. Thuận Hóa, Huế.
4. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2010). *Minh Mệnh chính yếu*, (Ủy ban Dịch thuật thuộc Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên Sài Gòn dịch), Nxb. Thuận Hóa, Huế.
5. Vương Hồng, Vương Thành Trung (2003). *Tứ thư* (Trần Trọng Sâm, Kiều Bách Vũ Thuận dịch), Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
6. Trần Trọng Kim (2017). *Nho giáo*, Nxb. Văn học.
7. An Chi (2006). *Chuyện đông chuyện tây*, Tập 1, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

## HUMAN IMAGE IN POEMS ON HUE ROYAL ARCHITECTURAL CONSTRUCTIONS

Nguyen Phuoc Hai Trung<sup>1,2</sup>

<sup>1</sup> University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

<sup>2</sup> Hue Monuments Conservation Centre, 23 Tong Duy Tan St., Hue, Vietnam

**Abstract.** This paper analyses and emphasises the image of the Human in poems on Hue royal architectural constructions from the artistic viewpoint. The author uses the poetry theory to analyse, describe and points out the characteristics of the Human image. There exist three categories of Human images, namely the Human of the Universe, the Human of Morality, and the Human of Hierarchy. All of them have a close relationship with the Nguyen Dynasty's philosophy. The analysis of the artistic symbol of the Human along with his many-faceted relationships reveals that poetry on Hue royal architecture is a system of the artistic language of a particular style, representing an aesthetic field with a unique way of expression. That fundamental premise is a factor that cannot be ignored in studying poetry on Hue royal architecture in particular and medieval poetry in general.

**Keywords:** Human image, Royal architecture, poetry, Nguyen Dynasty